

Bản án số: 69/2018/HS-ST
Ngày 17-8-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Lê Ngọc Phương

Thẩm phán: Ông Đặng Minh Hạnh

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đỗ Xuân Quyết

Ông Nguyễn Đức Mạnh

Bà Nguyễn Thị Mai Vinh.

- Thư ký phiên toà: Bà Trần Thị Mai Phương - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Văn Dự - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai Vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 50/2018/TLST-HS ngày 29 tháng 5 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 416/QĐXXST-HS ngày 24 tháng 7 năm 2018 và Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 456/QĐXXST-HS ngày 09 tháng 8 năm 2018 đối với các bị cáo:

1. Hoàng Danh D, sinh ngày 16/8/1986 tại Hải Phòng. ĐKKHKT: Đường 5/4, phường A, huyện B, thành phố Hải Phòng; chỗ ở: Thôn B, xã E, huyện B, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Không; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; trình độ văn hóa: Lớp 7/12; con ông F và con bà G; có vợ là H; có 02 con; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ từ 11/4/2017 chuyển tạm giam từ 19/4/2017; có mặt.

2. Cao Xuân T, sinh ngày 20/6/1983 tại Hải Phòng. Nơi cư trú: Thôn I, xã E, huyện B, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Không; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; trình độ văn hóa: Lớp 12/12; con ông J và con bà K; có vợ là L; có 02 con; tiền sự: Không; tiền án: Bản án số 68/2011/HSST ngày 31/10/2011 Tòa án nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải

Phòng xử phạt 04 năm tù về tội “Bắt cóc nhằm chiếm đoạt tài sản” (chưa được xóa án); bị tạm giữ từ ngày 11/4/2017 chuyển tạm giam từ ngày 19/4/2017; có mặt.

3. Nguyễn Cao T1, sinh ngày 11/8/1984 tại Hà Nội. Nơi cư trú: Số 83, đường M, phường N, quận O, thành phố Hà Nội; nghề nghiệp: Không; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; trình độ văn hóa: Lớp 12/12; con ông P (đã chết) và bà Q; có vợ là R, tiền án: Không; tiền sự: Năm 2012 đi cai nghiện bắt buộc đến năm 2015 về địa phương; bị tạm giữ từ 11/4/2017, chuyển tạm giam từ 19/4/2017; có mặt

4. Nguyễn Quốc T2 (tức T2), sinh ngày 08/11/1988 tại Hà Nội. Nơi cư trú: Ngõ 44 đường S, phường U, thị xã V, thành phố Hà Nội; nghề nghiệp: Không; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; trình độ văn hóa: Lớp 12/12; con ông: W và bà X; tiền án, tiền sự, nhân thân: Bản án số 93/2005/HSST ngày 28/12/2005 Tòa án nhân dân thị xã V, Hà Tây (nay là thành phố Hà Nội) xử phạt 12 tháng tù cho hưởng án treo, 18 tháng thử thách về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Bản án số 273/2008/HSST ngày 22/12/2008, Tòa án nhân dân huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội xử phạt 27 tháng tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy, tổng hợp với 06 tháng tù còn lại của bản án số 93/2005/HSST ngày 28/12/2005 Tòa án nhân dân thị xã V, tỉnh Hà Tây buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung của 02 bản án là 33 tháng tù (đã được xóa án); bị tạm giữ từ 11/4/2017, chuyển tạm giam từ 19/4/2017; có mặt.

5. Phan Anh T3, sinh ngày 04/10/1990 tại Hà Nội. Nơi cư trú: Thôn Y, xã Z, huyện AA, thành phố Hà Nội; nghề nghiệp: Lái xe; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; trình độ văn hóa: Lớp 12/12; con ông AB và bà AC; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ từ 11/4/2017, chuyển tạm giam từ 19/4/2017; có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Hoàng Danh D:* Ông AD - Luật sư Công ty Luật TNHH AE – Đoàn Luật sư thành phố Hải Phòng, vắng mặt có gửi bài bào chữa.

- *Người bào chữa cho bị cáo Cao Xuân T:* Ông AF - Luật sư Công ty Luật TNHH AE – Đoàn Luật sư thành phố Hải Phòng, có mặt

- *Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Quốc T2:* Ông AG - Luật sư Công ty Luật TNHH AE – Đoàn Luật sư thành phố Hải Phòng, có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Cao T1:* Ông AH và bà AI - Luật sư Công ty Luật TNHH AJ – Đoàn luật sư thành phố Hà Nội, có mặt

- *Người bào chữa cho bị cáo Phan Anh T3:* Bà AK - Luật sư Công ty Luật TNHH AE – Đoàn Luật sư thành phố Hải Phòng, có mặt

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:* Anh AL, sinh năm 1990; trú tại: Số 16 đường AM, phường AN, thị xã V, thành phố Hà Nội; có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 23h00 ngày 10/4/2017 tại khu vực gần nhà nghỉ AO, phường AP, quận AQ, Hải Phòng, Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy, Công an thành phố Hải Phòng, kiểm tra xe ô tô taxi Biển kiểm soát 30A-647.14 do Phan Anh T3 điều khiển, trên xe có Nguyễn Cao T1, Nguyễn Quốc T2 và AL, sinh năm 1990, ĐKNKTT: số 16 AM, phường AN, thị xã V, thành phố Hà Nội. Cơ quan điều tra đã thu tại cốp giữa ghế phụ và ghế lái xe ô tô một túi da có quai đeo màu đen bên trong có 01 túi nilon chứa 50 viên nén màu vàng có logo hình con bướm, qua giám định có trọng lượng 12,10 gam có MDMA, hàm lượng MDMA là 37,8 %; 01 túi nilon bên trong có tinh thể màu trắng, qua giám định có trọng lượng 105,36 gam có Ketamine, hàm lượng Ketamine là 74,4%, 01 ống hút bằng tờ tiền 20.000 đồng và 01 thẻ sim Viettel; ngoài ra còn thu của Nguyễn Quốc T2, T1, Phan Anh T3, Long, mỗi người 01 ví da , 01 thẻ căn cước công dân, thu của Nguyễn Quốc T2, T1, Long mỗi người một thẻ ATM, thu của Nguyễn Quốc T2, T1, Phan Anh T3 mỗi người 01 điện thoại di động, thu của Long 03 điện thoại di động; thu của Nguyễn Quốc T2 6.500.000 đồng, của T1 2.200.000 đồng, của Long 1.500.000 đồng.

Ngay sau đó, hồi 23 giờ 20 ngày 10/4/2017, Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy, Công an thành phố Hải Phòng kiểm tra phòng 306 nhà nghỉ AO, phường AP, quận AQ, Hải Phòng. Khi kiểm tra trong phòng có Cao Xuân T và Hoàng Danh D đang chuẩn bị sử dụng trái phép chất ma túy, Cơ quan công an đã thu 01 bình thủy tinh để sử dụng ma túy bên trong có tinh thể màu trắng. Thu trên đầu giường ngủ 01 túi nilon bên trong có 194, 69 gam tinh thể, qua giám định có Methamphetamine, trọng lượng Methamphetamine là 138,77 gam; thu trong túi da màu đen của D 01 gói nilon màu đen bên trong có 201,02 gam tinh thể, qua giám định có Methamphetamine, trọng lượng Methamphetamine là 143,91 gam, thu trên mặt kệ cạnh giường ngủ 01 túi nilon trong có 0,8 gam tinh thể có giám định có Methamphetamine, trọng lượng Methamphetamine là 0,06 gam. Ngoài ra còn thu trong túi của D, 80.000.000 đồng, 01 gậy bằng kim loại, 01 bình dạng xịt hơi cay, 02 điện thoại di động, 01 quyển sổ; thu của Cao Xuân T 01 điện thoại di động và 30.000.000 đồng. Tiến hành khám xét nơi ở của Cao Xuân T thu trong két sắt sau cánh cửa buồng ngủ 01 hộp caton bên trong có 01 khẩu súng bằng kim loại và 100 viên bi bằng kim loại, qua giám định là súng bắn bi sử dụng áp lực của khí nén, thuộc đồ chơi nguy hiểm, các viên bi kim loại sử dụng cho khẩu súng trên, không phải súng và đạn quân dụng. Tiến hành khám xét nơi ở của Hoàng Danh D, Nguyễn Quốc T2, Nguyễn Cao T1, Phan Anh T3 không thu thêm vật chứng gì liên quan đến vụ án. AL không có nơi ở cố định nên Cơ quan điều tra không tiến hành khám xét được nơi ở của Long. Quá trình điều tra đã xác định được:

Sáng ngày 09/4/2017, Nguyễn Quốc T2 (gọi tắt là Nguyễn Quốc T2) hỏi Nguyễn Cao T1 (gọi tắt là T1) có biết chỗ nào để mua ma túy không để cùng nhau góp tiền mua về vừa sử dụng vừa bán lại kiếm lời. T1 đồng ý và điện cho Hoàng Danh D là bạn T1 ở Hải Phòng hỏi có ma túy bán không và giá cả thế nào. D bảo có ma túy và bán với giá là 80.000.000 đồng/100 gam. Tối 09/4/2017 Nguyễn Quốc T2, T1 và Phan Anh T3 đi hát karaoke cùng một số người bạn tại thị xã V, Hà Nội. T1 thông báo giá ma túy cho Nguyễn Quốc T2 rồi cùng nhau thống nhất chung tiền mỗi người 40.000.000 đồng để mua ma túy. T1 tiếp tục điện về cho D thống nhất 17 giờ ngày 10/9/2017 sẽ xuống Hải Phòng mua ma túy. Khi T1 và Nguyễn Quốc T2 bàn bạc việc xuống Hải Phòng mua ma túy thì Nguyễn Quốc T2 đã nói với Phan Anh T3 cùng có mặt ở đó về việc ngày hôm sau xuống Hải Phòng mua ma túy (Ketamine) và nhờ Phan Anh T3 cùng đi Hải Phòng để lái xe giúp Nguyễn Quốc T2 khi lái xe taxi mệt. Sau đó, T1 về nhà trọ của Nguyễn Quốc T2 thuê ngủ. Sáng hôm sau, Nguyễn Quốc T2 và Phan Anh T3 về nhà trọ của Nguyễn Quốc T2 lúc này T1 vẫn còn ngủ ở nhà trọ của Nguyễn Quốc T2. Nguyễn Quốc T2 gọi cho AL là lái xe taxi hãng Bắc Á đón Nguyễn Quốc T2, T1 và Phan Anh T3 cùng T1 để chở đi Hải Phòng. Khi đi Long chở mọi người qua nhà T1 ở Số 83 đường M, phường N, quận O, thành phố Hà Nội. T1 xuống xe, vào nhà cầm ra 01 máy ảnh. Trên đường đi T1 bảo lái xe đi đến hiệu cầm đồ, T1 vào cầm cố chiếc máy ảnh được 30.000.000 đồng, T1 bỏ thêm 10.000.000 đồng tổng cộng là 40.000.000 đồng đưa cho Nguyễn Quốc T2. Long lái xe đến đường Cao Tốc thì để Phan Anh T3 lái xe xuống Hải Phòng. Khoảng 16 giờ ngày 10/4/2017 khi gần đến Hải Phòng, T1 điện cho D thông báo đã đến Hải Phòng. D bảo T1 đến nhà nghỉ AO thuộc phường AP, quận AQ, TP Hải Phòng. Đến nhà nghỉ AO, T1 và Nguyễn Quốc T2 lên thuê phòng 303 còn Long và Phan Anh T3 ngồi ở xe taxi đợi. Khoảng 20 phút sau thì D đến phòng 303 nhà nghỉ AO gặp Nguyễn Quốc T2 và T1. D thông báo giá cho T1 và Nguyễn Quốc T2 là 80.000.000 đồng 100 gam Ketamine và 200.000 đồng 1 viên kẹo (ma túy dạng viên nén) T1 và Nguyễn Quốc T2 đồng ý lấy 100 gam Ketamine và 50 viên ma túy tổng hợp. Nguyễn Quốc T2 đưa trước cho D 10.000.000 đồng. Sau khi thỏa thuận với Nguyễn Quốc T2 và T1 xong, D điện cho Cao Xuân T (gọi tắt là T) là bạn của D lên phòng 303. Tại đây, T đưa cho D 50.000.000 đồng D cầm tiền rồi bảo mọi người đợi để D đi lấy ma túy, T cũng ra khỏi phòng 303. Khoảng 03 giờ sau T quay lại phòng 303 đưa cho T1 và Nguyễn Quốc T2 50 viên ma túy rồi đi, Nguyễn Quốc T2 cất vào túi của Nguyễn Quốc T2 số ma túy trên. Do đã đưa cho D thêm 10.000.000 để mua 50 viên ma túy nên sau đó T1 và Nguyễn Quốc T2 xuống xe taxi bảo Long và Phan Anh T3 lái xe ra điểm dịch vụ của Viettel ở phường AP, AQ để T1 rút 10.000.000 đồng đưa thêm cho Nguyễn Quốc T2 cho đủ 80.000.000 đồng để mua 100 gam Ketamine.

Khoảng 23 giờ cùng ngày, D quay lại phòng 303 nhà nghỉ AO giao Ketamine cho T1 và Nguyễn Quốc T2. T1 và Nguyễn Quốc T2 thử và đồng ý lấy. Nguyễn Quốc T2 đưa tiếp cho D 80.000.000 đồng. T1 đưa túi Ketamine cho

Nguyễn Quốc T2 cất vào trong túi của Nguyễn Quốc T2. Khi Nguyễn Quốc T2 và T1 chuẩn bị ra về thì T cũng lên phòng 303. T1 trả tiền phòng rồi cùng Nguyễn Quốc T2 xách theo túi ma túy ra xe taxi, Nguyễn Quốc T2 để chiếc túi giữa ghế lái và ghế phụ của xe. Phan Anh T3 điều khiển xe ô tô về Hà Nội đi được khoảng 100 mét thì bị cơ quan Công an kiểm tra bắt giữ, thu chiếc túi trong có ma túy trên.

Về phía Hoàng Danh D và Cao Xuân T: Khi Nguyễn Cao T1 điện thoại hỏi D để mua ma túy, D đã gọi điện cho một người tên Dũng (D quen biết ngoài xã hội, chỉ biết Dũng nhà ở khu vực Bắc Sơn, huyện B) hỏi mua ma túy thì Dũng bảo có chỗ bán Ketamine và giá là 70.000.000 đồng /100 gam nhưng nói với khách là 80.000.000 đồng /100 gam để chi phí tiền xe và ăn uống đi lại, 30.000.000 đồng/100 gam Methamphetamine (ma túy đá). D đã báo với T1 là 80.000.000 đồng/100 gam Ketamine, đồng thời D điện thoại cho T (là bạn của D và biết T thường bán ma túy), D nói với T có nơi bán ma túy “đá” rẻ, nếu cần mua thì D mua hộ. T chuẩn bị tiền để khi D đi lấy ma túy cho khách Hà Nội thì lấy luôn cho, T đồng ý. Do trước đó D đang thuê phòng 306 của nhà nghỉ AO để nghỉ, nên khi T1 và Nguyễn Quốc T2 ở Hà Nội xuống mua ma túy, D bảo T1 đến nhà nghỉ AO để giao dịch mua bán ma túy. Tại phòng 303 nhà nghỉ AO sau khi thỏa thuận với Nguyễn Quốc T2, T1 và nhận trước 10.000.000 đồng của Nguyễn Quốc T2, nhận 50.000.000 đồng của T, D liên hệ với Dũng và cùng Dũng đi xe taxi ra Quảng Ninh để mua ma túy. Trên đường đi D bảo Dũng mua cho D 100 gam Ketamine (cho khách ở Hà Nội) và 200 gam ma túy Methamphetamine (cho T). D đưa cho Dũng 120.000.000 đồng cộng với số tiền 10.000.000 đồng trước đó D đã đặt cọc cho Dũng, D còn nợ Dũng 10.000.000 đồng. Khi đến cầu Bãi Cháy, Hạ Long, Quảng Ninh, D thấy Dũng giao dịch mua ma túy của một phụ nữ. Sau khi giao dịch mua bán ma túy với người phụ nữ trên, Dũng đưa cho D 03 túi ma túy gồm: 01 túi chứa 100 gam Ketamine (giành cho khách Hà Nội), 01 túi chứa 200 gam Methamphetamine (giành cho T), 01 túi chứa 200 gam Methamphetamine nhờ D cầm hộ Dũng để Dũng bán khi có khách. D mang ma túy về nhà nghỉ AO giao cho T1 và Nguyễn Quốc T2 01 túi chứa 100 gam Ketamine và nhận số tiền còn lại như trên, giao cho T 01 túi chứa 200 gam Methamphetamine. Sau khi Nguyễn Quốc T2 và T1 đi khỏi nhà nghỉ, D bảo T dọn bộ sử dụng ma túy cùng số ma túy mà D mua cho T sang phòng 306 nơi D thuê trọ. D và T lấy một ít ma túy đá trong số ma túy đá D mua cho T chuẩn bị sử dụng thì bị Công an vào bắt quả tang, thu giữ tang vật gồm số ma túy của Dũng nhờ D cầm hộ và số ma túy D mua cho T cùng 80.000.000 đồng mà D vừa bán ma túy cho Nguyễn Quốc T2 và T.

Vật chứng: Chiếc xe ô tô Biển kiểm soát 30A-647.14 là xe thuộc sở hữu của Chi nhánh Công ty TNHH và Dịch vụ du lịch Bắc Á. Giao cho AL là lái xe hợp đồng của Công ty để chở khách. Cơ quan điều tra đã xử lý vật chứng trả lại cho Chi nhánh Công ty TNHH và Dịch vụ du lịch Bắc Á.

Số ma túy thu giữ khi bắt quả tang các đối tượng sau khi giám định còn lại; 01 ống hút bằng tờ tiền 20.000 đồng 01 thẻ sim Viettel; 01 gậy bằng kim loại, 01

bình dạng xịt hơi cay, 01 gậy bằng kim loại, 01 bộ dụng cụ sử dụng ma túy; 01 khẩu súng bằng kim loại và 100 viên bi bằng kim loại; ngoài ra còn thu của các bị can tổng số 04 ví da, 04 thẻ căn cước công dân, 09 điện thoại, 01 quyển sổ nhỏ, 02 túi xách có quai đeo, 120.200.000 đồng thu giữ của các bị can và AL. Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng quyết định chuyển Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng.

Đối với AL là lái xe taxi, tài liệu điều tra thể hiện Long không biết việc Nguyễn Quốc T2 và Nguyễn Cao T1 mua bán ma túy với Hoàng Danh D nên Cơ quan điều tra không khởi tố bị can và lập hồ sơ xử lý là có căn cứ. Về đối tượng Dũng, theo lời khai của Hoàng Danh D là người bán ma túy cho D. Cơ quan điều tra đã xác minh, tại khu vực xã Bắc Sơn, huyện B có người tên là Vũ Văn Dũng, sinh năm 1988, trú tại thôn 6, Bắc Sơn, B, Hải Phòng. Hiện Dũng vắng mặt tại địa phương không ghi được lời khai, ngoài lời khai của D không còn tài liệu chứng cứ nào khác nên Cơ quan điều tra không có cơ sở khởi tố bị can, lập hồ sơ xử lý đối với người có tên trên. Đối với khẩu súng kim loại và 100 viên bi kim loại thu giữ của Cao Xuân T, qua giám định không phải là vũ khí quân dụng mà là đồ chơi nguy hiểm. Hiện Cao Xuân T đã bị khởi tố và tạm giam về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” nên cơ quan điều tra không xử phạt hành chính đối với Cao Xuân T.

Tại Bản Cáo trạng số 45/CT-VKS- P1 ngày 23 tháng 5 năm 2018, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng đã truy tố bị cáo Hoàng Danh D về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo điểm e khoản 4 Điều 194 Bộ luật Hình sự năm 1999. Các bị cáo Cao Xuân T, Nguyễn Quốc T2, Nguyễn Cao T1, Phan Anh T3 bị Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng truy tố về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo điểm e khoản 3 Điều 194 Bộ luật Hình sự năm 1999.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo như nội dung bản Cáo trạng đã nêu và đề nghị:

- Căn cứ điểm e khoản 4 khoản 5 Điều 194 Bộ luật Hình sự năm 1999; điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với bị cáo Hoàng Danh D, xử phạt bị cáo 20 năm tù. Phạt tiền bị cáo từ 15 triệu đến 20 triệu đồng.

- Căn cứ điểm e khoản 3 khoản 5 Điều 194 Bộ luật Hình sự năm 1999; điểm h khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với bị cáo Cao Xuân T, xử phạt bị cáo từ 17 năm đến 18 năm tù. Phạt tiền bị cáo 10 triệu đồng.

- Căn cứ điểm e khoản 3 khoản 5 Điều 194 Bộ luật Hình sự năm 1999; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với bị cáo Nguyễn Quốc T2, xử phạt bị cáo từ 15 năm đến 16 năm tù. Phạt tiền bị cáo 5 triệu đồng.

- Căn cứ điểm e khoản 3 khoản 5 Điều 194 Bộ luật Hình sự năm 1999; khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với bị cáo Nguyễn Cao T1, xử phạt bị cáo từ 15 năm đến 16 năm tù. Phạt tiền 5 triệu đồng.

- Căn cứ điểm e khoản 3 khoản 5 Điều 194 Bộ luật Hình sự năm 1999; điểm s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 54; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với bị cáo Phan Anh T3, xử phạt bị cáo từ 9 năm đến 10 năm tù. Phạt tiền bị cáo 5 triệu đồng.

- Về vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử xử lý theo quy định của pháp luật.

Quan điểm bào chữa của Luật sư cho bị cáo Hoàng Danh D:

Không tranh luận về tội danh và khung hình phạt mà Viện kiểm sát đã truy tố. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như thành khẩn khai báo, bố bị cáo có nhiều thành tích trong sản xuất kinh doanh nên được áp dụng điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Vì bị cáo có hai tình tiết giảm nhẹ nên đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự thể hiện sự khoan hồng và bảo đảm tính nghiêm minh của pháp luật.

Quan điểm bào chữa của Luật sư cho bị cáo Cao Xuân T:

Không tranh luận về tội danh và khung hình phạt mà Viện kiểm sát đã truy tố. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như thành khẩn khai báo, bị cáo có thời gian quân đội được quy định tại điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Vì bị cáo có hai tình tiết giảm nhẹ nên đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự thể hiện sự khoan hồng và bảo đảm tính nghiêm minh của pháp luật.

Quan điểm bào chữa của Luật sư cho bị cáo Nguyễn Quốc T2:

Luật sư nhất trí với Viện kiểm sát về tội danh đã truy tố đối với bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chính xác về trọng lượng ma túy mà bị cáo Nguyễn Quốc T2 đã mua, bán. Giữa bản Kết luận điều tra vụ án và bản Cáo trạng đều thống nhất về trọng lượng ma túy khi chưa quy đổi theo thành phần tinh chất. Theo nguyên tắc có lợi cho bị cáo thì nên lấy trọng lượng ma túy tinh chất được tính theo (%) ghi nhận trong Bản kết luận giám định số 2018/C54 (TT2) ngày 10/5/2017 của Viện khoa học hình sự-Tổng cục Cảnh sát để làm căn cứ định khung hình phạt cho bị cáo tổng cộng là 82,96 gam. Nên bị cáo chỉ bị xét xử theo điểm m khoản 2 Điều 194 Bộ luật Hình sự. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng cho bị cáo tình tiết giảm nhẹ là “thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải”, bị cáo có hoàn cảnh khó khăn được quy định tại điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự đưa ra mức hình phạt thấp nhất để bị cáo sớm trở về với xã hội.

Quan điểm của Luật sư bào chữa cho bị cáo Nguyễn Cao T1:

Viện kiểm sát truy tố bị cáo Nguyễn Cao T1 về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo điểm e khoản 3 Điều 194 Bộ luật Hình sự là không đúng. Bởi bị cáo

Nguyễn Cao T1 không chung tiền cùng mua ma túy với Nguyễn Quốc T2, hành vi của Nguyễn Cao T1 chỉ có vai trò giúp sức cho Nguyễn Quốc T2, không phải là người chủ mưu, cầm đầu. Nhất trí với vị luật sư bào chữa cho bị cáo Nguyễn Quốc T2 về việc đề nghị Hội đồng xét xử xem xét nên lấy trọng lượng ma túy tinh chất được tính theo (%) ghi nhận trong Bản kết luận giám định số 2018/C54 (TT2) ngày 10/5/2017 của Viện khoa học hình sự - Tổng cục Cảnh sát để làm căn cứ định khung hình phạt cho bị cáo tổng cộng là 82,96 gam nên bị cáo chỉ phạm tội theo khoản 2 Điều 194 Bộ luật Hình sự.

Quan điểm của Luật sư bào chữa cho bị cáo Phan Anh T3:

Viện kiểm sát truy tố bị cáo về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” là không đúng. Bởi bị cáo không được bàn bạc, góp vốn để mua bán ma túy. Trong quá trình lái xe từ Hà Nội đến Hải Phòng bị cáo Phan Anh T3 và Giang Thành Long thay nhau lái xe không hề biết Nguyễn Cao T1 và Nguyễn Quốc T2 bàn bạc mua bán ma túy nên bị cáo chỉ Phan Anh T3 chỉ phạm tội “Không tố giác tội phạm”. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo như “thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải”, gia đình bị cáo có bố tham gia quân đội nên được áp dụng điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự và xử bị cáo mức hình phạt thấp nhất.

Tại phiên tòa, các bị cáo không bổ sung thêm ý kiến của các Luật sư nhưng đều có lời nói sau cùng: Các bị cáo đều thấy hành vi phạm tội của mình là sai, mong Hội đồng xét xử xem xét cho hành vi của các bị cáo để các bị cáo sớm trở về với xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

- Về tố tụng:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Hải Phòng, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, Luật sư, người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

- Về tội danh:

[2] Tại phiên tòa bị cáo Hoàng Danh D khai nhận: Do có sự quen biết với Nguyễn Cao T1 là người Hà Nội từ trước. Khoảng 4 giờ ngày 10/4/2017 Nguyễn Cao T1 có gọi điện nói chuyện với D nói là “Bạn có biết ở đâu lấy ke không”,

Dũng bảo với Thắng là “để tôi hỏi cho”. Sau đó, Dũng nói với D là “đầu đây có thiện chí thì phải đặt tiền cho một ít trước”. D gọi điện cho Nguyễn Cao T1 nói nội dung mà Dũng gọi điện thoại cho D thì Nguyễn Cao T1 nói với D là “nếu có thì tôi xuống lấy luôn”. D điện thoại cho Dũng là đồng ý lấy, Dũng hẹn D và hẹn lại với Nguyễn Cao T1 là khoảng 17 giờ hôm sau 10/4/2017 là có hàng (tức ma túy). Dũng yêu cầu D đặt trước 10.000.000 đồng. D đi vay 10.000.000đ và đưa trước cho Dũng và điện thoại với Nguyễn Cao T1 là 17 giờ hôm sau sẽ có hàng (tức ma túy). Đúng hẹn khoảng 16 giờ ngày 10/4/2017 Nguyễn Cao T1 điện thoại cho D bảo đang trên đường xuống Hải Phòng. Khi đến Hải Phòng, T1 thuê nhà nghỉ AO lấy phòng 303 sau đó gọi cho D đến. Sau đó, D gọi điện cho Dũng nói là “ông mang ketamine cho người ta để người ta còn về” và bảo Nguyễn Cao T1 “bạn chuẩn bị tiền đi để tôi đi lấy về cho bạn”, D ngại chưa lấy tiền của Nguyễn Cao T1 mà điện cho Cao Xuân T đưa tiền để D đi mua. T1 đưa 50.000.000đ trước sự chứng kiến của Nguyễn Quốc T2 và Nguyễn Cao T1. D và Dũng bắt xe taxi đi Quảng Ninh mua ma túy mang về đưa số ma túy trên cho Nguyễn Quốc T2 và Nguyễn Cao T1. Sau khi thử ma túy xong thì Nguyễn Cao T1 trả cho D 80 triệu. Riêng về việc mua bán 50 viên “thuốc lắc” (ma túy loại MDMA), bị cáo Hoàng Danh D khai chỉ được Cao Xuân T gọi điện thoại báo cho D biết. Việc thỏa thuận mua bán 50 viên ma túy là do Cao Xuân T mua và bán cho Nguyễn Quốc T2 và Nguyễn Cao T1. Đối với số tiền 10 triệu đồng mà Nguyễn Quốc T2 đưa cho D theo bị cáo đó là tiền Nguyễn Quốc T2 tạm ứng để D mua 100 gam ma túy cho Nguyễn Quốc T2 chứ không phải là tiền để nhờ D mua 50 viên ma túy.

[3] Tại phiên tòa bị cáo Cao Xuân T khai cơ bản phù hợp với lời khai của bị cáo Hoàng Danh D về việc ngày 10/4/2018 bị cáo có đưa cho D 50.000.000đ để nhờ D đi mua ma túy cho Nguyễn Cao T1 và Nguyễn Quốc T2. Sau đó khoảng 17 giờ 30 phút đến 18 giờ thì Cao Xuân T điện thoại cho D bảo Nguyễn Cao T1 và Nguyễn Quốc T2 cần mua 50 viên kẹo. D bảo Cao Xuân T là tùy Cao Xuân T xử lý. Sau đó, Cao Xuân T đến đường tàu Mê Linh mua 50 viên thuốc lắc với giá 7.500.000đ. Sau đó Cao Xuân T mang về bán lại cho Nguyễn Quốc T2 và Nguyễn Cao T1 với giá 10.000.000đ. Cao Xuân T tại phiên tòa cũng thừa nhận việc bán 50 viên thuốc lắc với Nguyễn Cao T1 và Nguyễn Quốc T2 là do bị cáo Cao Xuân T tự giao dịch về số lượng và giá cả, bị cáo D không hề biết.

[4] Tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Quốc T2 khai: Tối ngày 09/4/2018 Nguyễn Quốc T2 cùng Nguyễn Cao T1 và Phan Anh T3 ngồi hát Karaoke thì Nguyễn Quốc T2 có nói chuyện với Nguyễn Cao T1 chung tiền mỗi đứa một nửa xuống Hải Phòng mua ma túy. Ngày 10/4/2017 AL là lái xe taxi chở Nguyễn Quốc T2, Nguyễn Cao T1 và Phan Anh T3 đi từ Hà Nội xuống Hải Phòng và thuê nhà nghỉ AO còn Long và Phan Anh T3 ở dưới xe taxi. Khoảng 10 phút sau đó D đến phòng và nói chuyện với Nguyễn Cao T1 là lấy Ketamine thì giá 80 triệu/lạng, còn kẹo 200.000đ/viên. Ngay lúc đó, Nguyễn Quốc T2 và T1 đồng ý mua ma túy của D, Nguyễn Quốc T2 đưa 10 triệu cho Nguyễn Cao T1 để Thắng đưa cho D. Khoảng

23 giờ cùng ngày thì D lấy được Ketamine và bán cho Nguyễn Quốc T2 và Nguyễn Cao T1 với giá 80 triệu. Bị cáo Nguyễn Quốc T2 chỉ nhận mua ma túy để về sử dụng dần, không thừa nhận mua ma túy để bán kiếm lời.

[5] Tại phiên tòa Nguyễn Cao T1 khai: Lúc đầu bị cáo chỉ thừa nhận việc cho Nguyễn Quốc T2 vay tiền và giới thiệu D trong việc mua ma túy của Nguyễn Quốc T2. Nhưng sau đó bị cáo thừa nhận bị cáo có góp tiền với Nguyễn Quốc T2 để mua ma túy, trực tiếp cùng Nguyễn Quốc T2 xuống Hải Phòng để mua ma túy của D. Khi giao tiền và nhận ma túy bị cáo cùng với Nguyễn Quốc T2 giao dịch với D.

[6] Phan Anh T3 khai nhận : Bị cáo không chung tiền mua ma túy, không biết Nguyễn Quốc T2 và T1 bàn bạc, trao đổi thống nhất việc mua ma túy như thế nào, không biết mua ma túy gì, bao nhiêu tiền và mua của ai. Nhưng tối ngày 09/4/2017 Phan Anh T3 được Nguyễn Quốc T2 nói cho biết ngày 10/4/2017 Nguyễn Quốc T2 đi Hải Phòng mua Ketamine và nhờ Phan Anh T3 đi lái xe giúp khi lái xe taxi mệt Phan Anh T3 đã đồng ý đi, khi Công an bắt giữ, Phan Anh T3 là người đang điều khiển xe ô tô. Do trước đó, Phan Anh T3 biết Nguyễn Quốc T2 quản lý một số nhân viên nữ cung cấp cho các quán Karaoke nên Phan Anh T3 nghĩ Nguyễn Quốc T2 và T1 đi Hải Phòng mua ma túy về để sử dụng và bán.

[8] Tại phiên tòa bị cáo D khai bị cáo không bán cho Nguyễn Quốc T2 và Nguyễn Cao T1 50 viên thuốc lắc (12,10 gam) hàm lượng MDMA là 37,8 % phù hợp với lời khai của Cao Xuân T nên đủ cơ sở kết luận: Ngày 10/4/2017, Hoàng Danh D đã bán cho Nguyễn Quốc T2 và Nguyễn Cao T1 105,36 gam ma túy ở thể rắn có Ketamine, hàm lượng Ketamine là 74,4%, mua cho Cao Xuân T 195,49 gam ma túy ở thể rắn có Methamphetamine, trọng lượng Methamphetamine là 138,87 gam và cất giữ 201,02 gam ma túy ở thể rắn có Methamphetamine, trọng lượng Methamphetamine là 143,91 gam để bán, tổng số D đã mua bán là 388,1 gam ma túy ở thể rắn là Ketamine, MDMA và Methamphetamine. Ngày 10/4/2017 Cao Xuân T đã đưa cho Hoàng Doanh D 50.000.000 đồng để D mua cho T 138,83 gam ma túy ở thể rắn là Methamphetamine mục đích để bán và bán cho Nguyễn Quốc T2 và Nguyễn Cao T1 50 viên “thuốc lắc” cân nặng 12,10 gam có MDMA hàm lượng MDMA là 37,8%. Tổng số Cao Xuân T mua bán là 150,93 gam ma túy ở thể rắn là Methamphetamine và MDMA. Ngày 10/4/2017, Nguyễn Cao T1 bỏ ra 50.000.000 đồng, Nguyễn Quốc T2 bỏ ra 40.000.000 đồng, cùng nhau mua của Hoàng Doanh D 105, 36 gam ma túy ở thể rắn có Ketamine, hàm lượng Ketamine là 74,4% và mua của Cao Xuân T 50 viên ma túy. Tổng số Nguyễn Quốc T2 và Nguyễn Cao T1 đã mua là 117,46 gam ma túy ở thể rắn là MDMA và Ketamine mục đích để sử dụng và bán. Phan Anh T3 biết Nguyễn Quốc T2 và T1 đi mua ma túy về để sử dụng và bán đã đồng ý đi cùng, lái xe chở Nguyễn Quốc T2 và T1 đi mua số ma túy trên nên Phan Anh T3 đồng phạm với Nguyễn Quốc T2 và T1 về hành vi mua bán số ma túy. Hành vi phạm tội của các bị cáo đã rõ nên có đủ cơ sở

kết luận các bị cáo phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo Điều 194 Bộ luật Hình sự năm 1999.

[9] Tính chất vụ án là đặc biệt nghiêm trọng, hành vi phạm tội của các bị cáo đã xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý chất ma túy của Nhà nước, gây mất trật tự trị an xã hội ở địa phương. Đây còn là nguyên nhân gây các loại tội phạm khác, gây dư luận xấu trong quần chúng nhân dân. Vì vậy, cần xử lý nghiêm khắc đối với các bị cáo để giáo dục cải tạo các bị cáo và đáp ứng yêu cầu đấu tranh, phòng ngừa tội phạm.

- Về tình tiết định khung hình phạt:

[10] Đối với bị cáo Hoàng Danh D: Bị cáo đã bán cho Nguyễn Quốc T2 và Nguyễn Cao T1 105,36 gam ma túy ở thể rắn có Ketamine, hàm lượng Ketamine là 74,4%, mua cho Cao Xuân T 195,49 gam ma túy ở thể rắn có Methamphetamine, trọng lượng Methamphetamine là 138,87 gam; và cất giữ 201,02 gam ma túy ở thể rắn có Methamphetamine, trọng lượng Methamphetamine là 143,91 gam để bán, tổng số D đã mua bán là 388,1 gam ma túy ở thể rắn là Ketamine, MDMA và Methamphetamine nên bị cáo bị xét xử theo điểm e khoản 4 Điều 194 Bộ luật Hình sự “các chất ma túy khác ở thể rắn có trọng lượng từ ba trăm gam trở lên”.

[11] Đối với bị cáo Cao Xuân T: Bị cáo Cao Xuân T mua bán tổng cộng 143,3 gam ma túy ở thể rắn là Methamphetamine và MDMA nên bị cáo bị xét xử theo điểm e khoản 3 Điều 194 Bộ luật Hình sự “các chất ma túy khác ở thể rắn có trọng lượng từ một trăm gam đến dưới ba trăm gam”.

[12] Đối với bị cáo Nguyễn Cao T1, Nguyễn Quốc T2 và Phan Anh T3: Tổng số Nguyễn Quốc T2 và Nguyễn Cao T1 đã mua là 117,46 gam ma túy ở thể rắn là MDMA và Ketamine mục đích để sử dụng và bán qua giám định là 82,95 gam Methamphetamine và MDMA tinh chất. Bị cáo Phan Anh T3 không tham gia mua bán nhưng bị cáo đồng ý đi cùng để lái xe và chở Nguyễn Quốc T2 và T1 nên đồng phạm cùng với các bị cáo về lượng ma túy. Các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội trước ngày 01/01/2018, Viện kiểm sát truy tố và kết luận bị cáo mua bán 117,46 gam Methamphetamine và Ketamine (lượng thô) vi phạm điểm e khoản 3 Điều 194 Bộ luật Hình sự. Tuy nhiên lượng Methamphetamine và MDMA đã được giám định hàm lượng tinh chất là 82,95 gam. Do đó, theo nguyên tắc có lợi các bị cáo Nguyễn Cao T1, Nguyễn Quốc T2 và Phan Anh T3 chỉ bị xét xử theo điểm m khoản 2 Điều 194 Bộ luật Hình sự (các chất ma túy khác ở thể rắn có trọng lượng từ 20 gam đến dưới 100 gam). Nên cần chấp nhận quan điểm của Luật sư bào chữa cho bị cáo Nguyễn Quốc T2 và Nguyễn Cao T1 xét xử các bị cáo theo điểm m khoản 2 Điều 194 Bộ luật Hình sự là phù hợp với quy định của pháp luật.

- Về vai trò và hình phạt:

[13] Trong vụ án này bị cáo Hoàng Danh D là người trực tiếp nhận tiền mua ma túy về để bán, bị cáo bán khối lượng ma túy đặc biệt lớn thuộc trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 194 Bộ luật Hình sự năm 1999. Khối lượng ma túy bị cáo mua bán nhiều hơn tất cả các bị cáo khác trong vụ án nên bị cáo phải chịu trách nhiệm chính. Bị cáo Cao Xuân T là người mua bán lượng ma túy đứng thứ hai trong vụ án chỉ sau bị cáo D ngoài việc bỏ tiền mua 138,87 gam Methamphetamine để bán bị cáo còn là người mua bán 12,10 gam MDMA. Đối với bị cáo Nguyễn Quốc T2, Nguyễn Cao T1 và Phan Anh T3, ba bị cáo này đồng phạm phạm tội bị cáo Nguyễn Quốc T2 là người đề xuất việc mua ma túy về bán; bị cáo Nguyễn Cao T1 là người tìm nguồn mua ma túy, tiền mua ma túy đóng góp ngang nhau vì vậy vai trò của bị cáo Nguyễn Quốc T2 và bị cáo T1 là ngang nhau. Đối với bị cáo Phan Anh Phan Anh T3 là người giúp sức với vai trò có mức độ nên cần áp dụng hình phạt thấp nhất trong vụ án.

[14] Song cũng xét: Sau khi phạm tội các bị cáo Hoàng Danh D, Cao Xuân T, Nguyễn Quốc T2, Phan Anh T3 đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Riêng đối với bị cáo Nguyễn Cao T1 tại phiên tòa mặc dù không thừa nhận việc mua bán ma túy với Nguyễn Quốc T2 mà cho rằng mua để sử dụng và thừa nhận có cùng bị cáo Nguyễn Quốc T2 lấy ma túy của D nên Hội đồng xét xử vẫn áp dụng cho bị cáo tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là “thành khẩn khai báo” quy định điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự mà không chấp nhận quan điểm của Kiểm sát viên đề nghị không áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nguyễn Cao T1. Bị cáo Hoàng Danh D có bố để tham gia quân đội và có nhiều thành tích trong sản xuất kinh doanh, có bác ruột là thương binh. Bị cáo Nguyễn Cao T1 có bố để tham gia kháng chiến được tặng Huy chương kháng chiến Hạng Nhì, có mẹ để được tặng Bằng khen của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội, bị cáo Cao Xuân T có thời gian tham gia quân đội nên các bị cáo Hoàng Danh D, Nguyễn Cao T1, Cao Xuân T được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[15] Từ phân tích trên, căn cứ tính chất, mức độ hành vi phạm tội, lượng ma túy mà bị cáo Hoàng Danh D mua bán là đặc biệt nghiêm trọng nên cần xử lý nghiêm khắc và cần áp dụng hình phạt tương xứng với hành vi của bị cáo. Bị cáo Cao Xuân T có 01 tiền án về tội rất nghiêm trọng chưa được xóa nay bị cáo phạm tội đặc biệt nghiêm trọng nên lần phạm tội này bị cáo phạm tội thuộc trường hợp “tái phạm nguy hiểm” quy định điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Vì vậy cũng cần xử phạt bị cáo ở mức cao của khung hình phạt. Đối với bị cáo Nguyễn Quốc T2 và Nguyễn Cao T1 có vai trò ngang nhau nhưng bị cáo Nguyễn Quốc T2 có 02 tiền án tuy đã được xóa nhưng vẫn coi là người có nhân thân xấu nên cần xử bị cáo Nguyễn Quốc T2 cao hơn bị cáo Nguyễn Cao T1. Đối với bị cáo Phan Anh T3 phạm tội lần đầu là người giúp sức trong vụ án nhưng có vai trò không đáng kể, hành vi của bị cáo có mức độ, không tham gia việc mua bán ma túy chỉ là người

giúp sức và đi cùng nên cần xử bị cáo Phan Anh T3 mức hình phạt thấp nhất nhưng cũng cần xử bị cáo trên mức khởi điểm của khung hình phạt mới đủ tác dụng để giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung. Tại phiên tòa Luật sư bào chữa cho bị cáo Nguyễn Quốc T2 trình bày bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, bị cáo Phan Anh T3 có bố tham gia quân đội nhưng không có tài liệu chứng minh nên không chấp nhận quan điểm của các Luật sư bào chữa đề nghị áp dụng khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Phan Anh T3, Nguyễn Quốc T2.

[16] Ngoài hình phạt chính cần áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo Hoàng Danh D, Nguyễn Quốc T2, Cao Xuân T, Nguyễn Cao T1 theo khoản 5 Điều 194 Bộ luật Hình sự năm 1999. Riêng bị cáo Phan Anh T3 có hoàn cảnh khó khăn nên không chấp nhận quan điểm của Kiểm sát viên đề nghị phạt tiền đối với bị cáo Phan Anh T3 mà cần miễn phạt tiền cho bị cáo.

[17] Trong vụ án này còn có đối tượng Vũ Văn Dũng, sinh năm 1988, trú tại thôn 6, xã Bắc Sơn, huyện B, thành phố Hải Phòng là người bán ma túy cho D vắng mặt tại địa phương không ghi được lời khai. Hội đồng xét xử kiến nghị Cơ quan điều tra làm rõ tránh bỏ lọt người phạm tội.

- Về vật chứng:

[18] Cơ quan Công an thu giữ: 01 phong bì niêm phong ma túy số 587/PC54, 01 hộp bìa cotton bên trong có ma túy số 587/PC54, 01 khẩu súng ngắn màu đen có ký hiệu CAL.45 ACP và BABY HI – CAPA 3.8, 86 viên bi, 01 thẻ căn cước mang tên Nguyễn Quốc T2, 01 thẻ ATM ngân hàng AGRIBANK mang tên Nguyễn Quốc T2, 01 ví da màu đen đã cũ, 01 điện thoại Iphone màu đen bạc đã qua sử dụng có số Ime: 357994057042403; 01 ví đen màu nâu đã cũ, 01 thẻ căn cước công dân mang tên Nguyễn Cao T1, 01 thẻ ATM ngân hàng VIB mang tên Nguyễn Cao T1, 01 điện thoại Iphone màu trắng vàng Ime: 355.3910.705.29601, 01 ví da màu đen đã cũ, 01 thẻ căn cước công dân mang tên Phan Anh T3, 01 điện thoại Nokia màu trắng Ime: 369971.05.3487715, 01 thẻ căn cước công dân mang tên Hoàng Danh D, 01 ví da màu nâu đã cũ, 01 túi quai đeo màu đen đã cũ, 01 điện thoại Iphone màu trắng vàng Ime: 358805054883400, 01 điện thoại Iphone màu đen đã qua sử dụng IC: 579C – E3092A, 01 gậy sắt dài khoảng 23 cm, 01 bình xịt hơi cay và 01 quyển sổ bìa màu nâu, 01 điện thoại LG đã qua sử dụng màu đen không đọc được Ime, 01 chứng minh nhân dân của Cao Xuân T và 01 giấy phép lái xe mang tên Cao Xuân T, 01 túi có quai đeo màu đen đã cũ, 01 ví đen đã qua sử dụng, 01 thẻ căn cước công dân mang tên AL, 01 thẻ ATM mang tên AL, 01 điện thoại VEMGA màu trắng viền vàng đã qua sử dụng IME: 358607050721471 có sim, 01 điện thoại Nokia màu xanh đen đã qua sử dụng IME: 357781068128366 có sim, 01 điện thoại vỏ gỗ có ruột điện thoại Nokia 515 và số tiền 1.500.000 đồng và 118.700.000 đồng

[19] Xét: 01 phong bì niêm phong ma túy số 587/PC54, 01 hộp bìa cotton bên trong có ma túy số 587/PC54, 01 khẩu súng ngắn màu đen có ký hiệu CAL.45

ACP và BABY HI – CAPA3.8, 86 viên bi, 02 ví da màu đen đã cũ; 02 ví đen màu nâu đã cũ, 02 túi quai đeo màu đen đã cũ, 01 gậy sắt dài khoảng 23 cm, 01 bình xịt hơi cay và 01 quyển sổ bìa màu nâu đã qua sử dụng đều là công cụ, phương tiện liên quan và dùng vào việc phạm tội nên cần tịch thu sung quỹ Nhà nước. Đối với 01 thẻ căn cước mang tên Nguyễn Quốc T2, 01 theo ATM ngân hàng AGRIBANK mang tên Nguyễn Quốc T2, 01 thẻ căn cước công dân mang tên Nguyễn Cao T1, 01 thẻ ATM ngân hàng VIB mang tên Nguyễn Cao T1, 01 thẻ căn cước công dân mang tên Phan Anh T3, 01 thẻ căn cước công dân mang tên Hoàng Danh D, 01 chứng minh nhân dân của Cao Xuân T và 01 giấy phép lái xe mang tên Cao Xuân T, 01 thẻ căn cước công dân mang tên AL, 01 thẻ ATM mang tên AL đều là giấy tờ tùy thân của các bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cần trả lại cho các bị cáo và anh AL. Đối với 01 điện thoại Iphone màu đen bạc đã qua sử dụng có số Ime: 357994057042403, 01 điện thoại Iphone màu trắng vàng Ime: 355.3910.705.29601, 01 điện thoại Nokia màu trắng Ime: 369971.05.3487715, 01 điện thoại Iphone màu trắng vàng Ime: 358805054883400, 01 điện thoại Iphone màu đen đã qua sử dụng IC: 579C – E3092A, 01 điện thoại LG đã qua sử dụng màu đen không đọc được Ime, 01 điện thoại VEMGA màu trắng viền vàng đã qua sử dụng IME: 358607050721471 có sim, 01 điện thoại Nokia màu xanh đen đã qua sử dụng IME: 357781068128366 có sim, 01 điện thoại vỏ gỗ có ruột điện thoại Nokia 515 các bị cáo đều sử dụng vào việc phạm tội nên cần tịch thu sung quỹ Nhà nước. Đối với số tiền 120.200.000đ thu của các bị cáo, cụ thể: 6.500.000đ của bị cáo Nguyễn Quốc T2, thu của Nguyễn Cao T1 2.200.000đ, thu của Phan Anh T3 80.000.000đ, thu của Cao Xuân T 30.000.000đ, thu của AL 1.500.000đ. Xét thấy: Đối với số tiền 80.000.000đ là tiền của các bị cáo dùng để giao dịch ma túy nên cần tịch thu sung quỹ nhà nước. Đối với số tiền 6.500.000đ của bị cáo Nguyễn Quốc T2, 2.200.000đ của Nguyễn Cao T1, 30.000.000đ của Cao Xuân T, thu của AL 1.500.000đ đều là tiền của các bị cáo và anh AL không liên quan đến việc phạm tội nên cần trả lại cho các bị cáo nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án. Riêng số tiền của anh AL cần trả lại.

[20] Về án phí và quyền kháng cáo: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm. Các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án được quyền kháng cáo theo Bản án quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm e khoản 4 khoản 5 Điều 194 Bộ luật Hình sự năm 1999; điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, xử phạt: Hoàng Danh D: **20 (Hai mươi) năm tù** về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Thời hạn tù tính từ ngày 11/4/2017. Phạt tiền bị cáo 20.000.000đ (Hai mươi triệu) đồng.

- Căn cứ điểm e khoản 3 khoản 5 Điều 194 Bộ luật Hình sự năm 1999; điểm h khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, xử phạt

Cao Xuân T: 17 (Mười bảy) năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Thời hạn tù tính từ ngày 11/4/2017. Phạt tiền bị cáo 15.000.000đ (Mười năm triệu) đồng.

- Căn cứ điểm m khoản 2 khoản 5 Điều 194 Bộ luật Hình sự năm 1999; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, xử phạt: **Nguyễn Quốc T2 13 (Mười ba) năm 06 (Sáu) tháng tù** về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Thời hạn tù tính từ ngày 11/4/2017. Phạt tiền bị cáo 10.000.000đ (Mười triệu) đồng.

- Căn cứ điểm m khoản 2 khoản 5 Điều 194 Bộ luật Hình sự năm 1999; điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, xử phạt: **Nguyễn Cao T1 13 (Mười ba) năm tù** về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Thời hạn tù tính từ ngày 11/4/2017. Phạt tiền bị cáo 10.000.000đ (Mười triệu) đồng.

- Căn cứ điểm m khoản 2 Điều 194 Bộ luật Hình sự năm 1999; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, xử phạt: **Phan Anh T3: 08 (Tám) năm tù** về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Thời hạn tù tính từ ngày 11/4/2017.

2. *Về xử lý vật chứng:* Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, tuyên bố:

- Tịch thu tiêu hủy: 01 phong bì niêm phong ma túy số 587/PC54, 01 hộp bìa cotton bên trong có ma túy số 587/PC54, 01 khẩu súng ngắn màu đen có ký hiệu CAL.45 ACP và BABY HI – CAPA3.8, 86 viên bi, 02 ví da màu nâu đã cũ, 02 ví da màu đen đã cũ, 02 túi quai đeo màu đen đã cũ, 01 gậy sắt dài khoảng 23 cm, 01 bình xịt hơi cay và 01 quyển sổ bìa màu nâu.

- Tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền 80.000.000đ (Tám mươi triệu) đồng tại biên lai thu tiền số 0006076 ngày 29/5/2018 tại Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng

- Tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án số tiền 6.500.000đ (Sáu triệu năm trăm nghìn) đồng của bị cáo Nguyễn Quốc T2, số tiền 2.200.000đ (Hai triệu hai trăm nghìn) đồng của Nguyễn Cao T1, số tiền 30.000.000đ (Ba mươi triệu) đồng của Cao Xuân T theo biên lai thu tiền số 0006076 ngày 29/5/2018 tại Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng.

- Trả lại cho anh AL: 01 thẻ căn cước công dân, 01 thẻ ATM và số tiền 1.500.000đ (Một triệu năm trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tiền số 0006077 ngày 07/6/2018 tại Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng.

- Trả lại cho các bị cáo Nguyễn Quốc T2, Nguyễn Cao T1, Phan Anh T3, Cao Xuân T, Hoàng Danh D: 01 thẻ căn cước mang tên Nguyễn Quốc T2, 01 thẻ ATM ngân hàng AGRIBANK mang tên Nguyễn Quốc T2, 01 thẻ căn cước công dân mang tên Nguyễn Cao T1, 01 thẻ ATM ngân hàng VIB mang tên Nguyễn Cao T1, 01 thẻ căn cước công dân mang tên Phan Anh T3, 01 thẻ căn cước công dân mang tên Hoàng Danh D, 01 chứng minh nhân dân của Cao Xuân T và 01 giấy phép lái xe mang tên Cao Xuân T.

(Toàn bộ vật chứng có đặc điểm như tại Biên bản giao nhận vật chứng và Biên lai thu tiền số 0006076 đều ghi ngày 29 tháng 05 tháng 2018 tại Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng).

3. *Về án phí:* Căn cứ vào Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc các bị cáo phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4. *Về quyền kháng cáo:* Các bị cáo được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án được quyền kháng cáo phần Bản án có liên quan đến quyền lợi của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao;
- Vụ GDKT1 TANDTC;
- VKSND cấp cao;
- VKSND TP Hải Phòng;
- PV 27; Trại tạm giam Công an thành phố;
- Cục thi hành án Dân sự TPHP;
- Phòng KTNV & THA;
- Sở tư pháp TPHP;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu: HS; HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Ngọc Phương